

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 39/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mai Cổ phần Đ, địa chỉ trụ sở: B N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L1, chức vụ: Chuyên viên Tố tụng - Khối QL&TCTTS ;CCCD số: 038091025578 cấp ngày 01/03/2023 tại Cuc C; Địa chỉ: Số B đường C tháng D, P, Q. H, TP..

- Bị đơn: Ông Trần Hữu K, sinh năm 1981 và bà Trần Thị Ánh M, sinh năm 1989; Cùng địa chỉ: Tô H, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH Đ1, địa chỉ: Lô A KĐT mới Đ, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Phạm Tuấn M1 – chức vụ: Giám đốc.

Nười đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh N, sinh năm 1992, Chức vụ: Trưởng phòng tài chính Công ty TNHH Đ1.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về số tiền nợ:* Ông [Trần Hữu K](#) và bà [Trần Thị Ánh M](#) đồng ý trả nợ cho [Ngân hàng TMCP Đ](#) số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 09/9/2024 là: 1.198.374.861 đồng, cụ thể: Đối với hợp đồng tín dụng nợ gốc: 973.484.985 đồng, nợ lãi: 208.666.875 đồng. Đối với Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 04/10/2022: nợ gốc: 8.800.483 đồng; nợ lãi: 7.422.518. Tổng nợ gốc của 2 hợp đồng là: 982.285.468 đồng, tổng nợ lãi của hai hợp đồng là: 216.089.393 đồng, theo Hợp đồng cho vay số 268/2022/HĐTD-PVB.HUE ngày 29/09/2022 (“Hợp đồng cho vay số 268”) và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 04/10/2022 đã ký kết giữa [Ngân hàng TMCP Đ](#) với Ông [Trần Hữu K](#) và bà [Trần Thị Ánh M](#).

2.2. *Về phương thức thanh toán:* Ông [Trần Hữu K](#) và bà [Trần Thị Ánh M](#) có nghĩa vụ thanh toán ngay cho [Ngân hàng TMCP Đ](#) tổng số tiền vay tính đến ngày 09/9/2024 là: 1.198.374.861 đồng, cụ thể: Đối với hợp đồng tín dụng: nợ gốc: 973.484.985 đồng, nợ lãi: 208.666.875 đồng. Đối với Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 04/10/2022: nợ gốc: 8.800.483 đồng; nợ lãi: 7.422.518. Tổng nợ gốc của 2 hợp đồng là: 982.285.468 đồng, tổng nợ lãi của hai hợp đồng là: 216.089.393 đồng.

Kể từ ngày 10/9/2024 bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc.

2.3. *Về xử lý tài sản thế chấp:* Kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Trường hợp ông [Trần Hữu K](#) và bà [Trần Thị Ánh M](#) không thanh toán được nghĩa vụ nợ thì [Ngân hàng TMCP Đ](#) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán căn hộ số 268/2022/HĐBĐ-PVB.HUE ngày 29/09/2022 để thanh toán khoản nợ của ông [Trần Hữu K](#) và bà [Trần Thị Ánh M](#) tại [P1](#).

Sau khi xử lý hết tài sản bảo đảm mà vẫn không trả hết nợ, ông [Trần Hữu K](#) và bà [Trần Thị Ánh M](#) có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

2.4. *Về án phí:* Án phí dân sự sơ thẩm phải chịu là: 23.975.623 đồng; cụ thể: $[36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times (1.198.374.861 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng})] : 2 = 23.975.623 \text{ đồng}$. [Ngân hàng TMCP Đ](#) và [Trần Hữu K](#) và bà [Trần Thị Ánh M](#) thỏa thuận: Ông [Trần Hữu K](#) và bà [Trần Thị Ánh M](#) chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 23.975.623 đồng (Hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng).

Hoàn trả cho [Ngân hàng TMCP Đ](#) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 23.083.362 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003724 ngày 28/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.5. Về số tiền xem xét thẩm định tại chỗ: Ông [Trần Hữu K](#) và bà [Trần Thị Ánh M](#) tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông [Trần Hữu K](#) và bà [Trần Thị Ánh M](#) có nghĩa vụ trả lại cho [Ngân hàng TMCP Đ](#) số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Hương Thủy;
- TAND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Dương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN THỊ HẰNG